

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/ 2024/ HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 3 - 2024

V/v Tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Công Minh

2/ Ông Phùng Văn Long

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành – Tiền Giang tham gia phiên tòa: bà Lê Hoàng Lan Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Hải L, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Lê Minh T1, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại biên bản Tòa án hoà giải, nguyên đơn chị Lê Thị Hải L đã trình bày: Chị và anh Lê Minh T1 chung sống với nhau vào năm 2015 không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc thời gian đầu đến khoảng năm 2017 đến nay đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã nhau. Cụ thể do anh T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ bên ngoài, không lo làm ăn, chơi cờ bạc bị nợ nần về nhà gây gổ đánh

đập vợ con. Hiện chị và con đã về sống riêng ở T, anh T1 không phụ chị nuôi con chung. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2023 đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung được nên chị L xin ly hôn với anh T1.

Về con chung: Anh có 01 người con chung tên Lê Minh Phước T2, sinh ngày 21/10/2016. Hiện con chung sống với chị L, ly hôn chị L yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu anh Trung cấp dưỡng mỗi tháng là 3.000.000đồng

V tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

- Bị đơn anh Lê Minh T1 trình bày tại bản khai: Anh thống nhất về thời gian kết hôn và thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ anh có quan hệ với người đàn ông khác, khi anh đi P để đi làm thì vợ anh ở nhà dắt đàn ông khác về nhà có thai và bỏ thai. Từ đó vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, anh vẫn gửi tiền về nuôi con chứ không phải không cấp dưỡng nuôi con, anh cũng không có đánh vợ con nhiều lần như vợ anh trình bày. Nay vợ anh xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung: nếu vợ anh nuôi con thì anh đồng ý nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật. Về Hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hải L- không công nhận anh Lê Minh T1 và chị Lê Thị Hải L là vợ chồng. Về con chung: Hiện con chung còn nhỏ có nguyện vọng sống với mẹ và chị L đang nuôi con nên giao chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là phù hợp, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu về tình cảm xin ly hôn với anh T1, về con chung yêu cầu được nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000đồng, về tài sản chung, nợ chung không có. Bị đơn anh Lê Minh T1 đồng ý ly hôn, đồng ý cho chị L nuôi con nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định :

[1] *Về tố tụng*: Chị Lê Thị Hải L xin ly hôn với anh Lê Minh T1 có địa chỉ ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do đó vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị Hải L có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Minh T1 được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L và anh T1.

[2] *Về nội dung yêu cầu ly hôn*: Chị Lê Thị Hải L và anh Lê Minh T1 là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2015 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định Điều 9 của luật hôn nhân và gia đình, do đó hôn nhân của anh T1, chị L không làm phát sinh quan hệ vợ chồng. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T1 và chị L không còn tin tưởng tình cảm lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, sống chung không còn hạnh phúc và anh chị cũng đã ly thân từ tháng 7 năm 2023 đến nay. Nay chị Lê Thị Hải L xin ly hôn với anh Lê Minh T1. Xét thấy tình cảm vợ chồng của chị L, anh T1 đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, anh chị cũng đã ly thân đến nay khá lâu không đoàn tụ được nên nay chị L xin ly hôn, anh T1 đồng ý. Tuy nhiên, do anh T1 và chị L không đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận anh Lê Minh T1 và chị Lê Thị Hải L là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Anh T1 và chị L có 01 người con chung tên Lê Minh Phước T2, sinh ngày 21/10/2016, ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng. Xét con chung đang sống với chị L và có ý kiến được sống với chị L. Xét thấy, chị L có khả năng chăm sóc chu đáo cho cháu về mọi mặt và để ổn định tâm lý cho cháu T2; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con của chị L, cho chị L được tiếp tục nuôi cháu T2. chị L yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng. Xét thấy, để bảo đảm chi phí chăm sóc nuôi dưỡng cháu T2, theo quy định pháp luật cần buộc anh Trung cấp d nuôi con chung là phù hợp. Mức yêu cầu cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng phù hợp nên Hội đồng xét xử buộc anh Trung cấp d nuôi cháu T2 mỗi tháng 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4 năm 2024 đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi có khả năng lao động.

[4] *Tài sản chung*: Anh T1 và chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Nợ chung*: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Lê Thị Hải L phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh T1 phải chịu 300.000đồng tiền án phí phần cấp dưỡng.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ Khoản 1 Điều 35, Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các điều 09, 14, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình,

- Căn cứ theo Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Minh T1 và chị Lê Thị Hải L.

2. Về con chung: Giao chị Lê Thị Hải L được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lê Minh Phước T2, sinh ngày 21/10/2016. Anh Lê Minh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Minh Phước T2 mỗi tháng 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4 năm 2024 đến khi cháu T2 tròn 18 tuổi có khả năng lao động. Anh Lê Minh T1 có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Hải L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010824, ngày 11/01/2024 của Chi cục T3 hành án dân sự huyện C - T, xem như nộp xong.

Buộc anh Lê Minh T1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần cấp dưỡng)

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành,
- CC THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự,
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thúy

